TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2017/HNGĐ-PT
Ngày: 04/12/2017
"V/v tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn, nuôi con, chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07/11/2017 về việc: "Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn, nuôi con, chia tài sản".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 58/2017 DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 298/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị Trúc L, sinh năm 1978;
Địa chỉ: phường 3, Tp. C, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn*: Ngô Tấn L1, sinh năm 1970;
Địa chỉ: phường 3, Tp. C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Ngô Thị B, sinh năm 1950;
Địa chỉ: số 91, đường Nguyễn Trãi, phường 2, Tp. C, Đồng Tháp.

* Người kháng cáo: Lê Thị Trúc L là nguyên đơn.
Ngô Tấn L1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn Lê Thị Trúc L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L1 kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; anh L1 không có trách nhiệm làm chồng, làm cha; thường xuyên uống rượu, trong lúc có rượu anh L1 không làm chủ được bản thân nên đã nhiều lần đánh chị và có những lời lẽ không tế nhị; chị đã nhiều lần góp ý nhưng không thành. Vì đã có con chung nên chị cố nhẫn nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Do không cải thiện được tình trạng trên nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn hạnh phúc; vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh L1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Lê Đăng K, sinh ngày 16/7/2011, hiện con chung đang sống cùng với anh L1. Khi ly hôn, chị L đồng ý anh L1 được trực tiếp nuôi con chung, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Vợ chồng có diện tích đất 76,8m^2 (thực đo 77,4m^2) thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do chị L, anh L1 đứng tên quyền sử dụng đất, trên đất có 01 căn nhà cấp 3, diện tích thực đo 77,4m^2. Khi ly hôn chị yêu cầu được nhận ½ tài sản tính bằng giá trị. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị quản lý, căn nhà gắn liền trên đất do anh L1 quản lý, sử dụng.

Chị thống nhất tài sản chung trị giá 2.303.770.000đồng (trong đó giá trị đất 729.600.000đồng; giá trị căn nhà 1.574.173.440 đồng), chị không đồng ý với giá của Hội đồng định giá vào ngày 11/5/2017, chị không yêu cầu định giá lại và cũng không đưa ra mức giá nào khác.

- Về nợ chung:

1. Nợ Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp số tiền 150.000.000đồng, theo hợp đồng vay số 101/2015/VCB-SD/CVN ngày 17/8/2015. Hiện chị đã trả nợ xong cho Ngân hàng vào ngày 30/5/2017. Nay chị không yêu cầu Tòa án đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

2. Nợ bà Ngô Thị B (chị của anh L1) số tiền 280.000.000đồng, số nợ này vợ chồng cùng trả, chị L đồng ý trả ½ bằng số tiền 140.000.000đồng và đã trả xong cho bà Bé vào ngày 30/5/2017; phần còn lại 140.000.000đồng yêu cầu anh L1 trả. Nay chị xác định vợ chồng không còn nợ chung.

* Bị đơn Ngô Tấn L1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn; thời gian vợ chồng chung sống đúng như chị Lê Thị Trúc L trình bày, nhưng những lời trình bày của chị L chưa đúng về mâu thuẫn giữa vợ chồng như: chị L cho rằng anh L1 sống không có trách nhiệm làm chồng, làm cha, thường xuyên uống rượu và đánh vợ, chị L chưa bao giờ góp ý điều gì với anh L1, đây chỉ là lý do để chị L yêu cầu ly hôn mà thôi.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Lê Đăng K, sinh ngày 16/7/2011, hiện con chung đang sống với anh L1. Khi ly hôn anh L1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Anh L1 thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do chị L và anh L1 cùng đứng tên diện tích 76,8m^2 thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 21; đất tọa lạc tại phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Trên đất có 01 căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng thực đo 77,4m^2. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị L quản lý, căn nhà gắn liền trên đất do anh L1 quản lý, sử dụng. Anh L1 yêu cầu chia đôi tài sản cả hai cùng nhận bằng hiện vật. Cụ thể anh yêu cầu được nhận nguyên tầng trệt và 01 phòng ở lầu 1; phần còn lại của lầu 1 và toàn bộ lầu 2 anh L1 giao chị L quản lý, sử dụng.

Về giá trị tài sản chung anh L1 thống nhất theo giá của Hội đồng định giá ngày 11/5/2017 là 848.144.480đồng (trong đó giá trị đất 184.320.000đồng; giá trị căn nhà 663.828.480 đồng) không đồng ý với giá của công ty thẩm định giá Exima vào ngày 26/6/2017 mức giá là 2.303.770.000đồng. Tuy nhiên, anh không đưa ra mức giá nào khác và cũng không yêu cầu định giá lại.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị B trình bày:

Năm 2014, bà có cho chị L và anh L1 mượn số tiền 300.000.000đồng để xây nhà. Đến năm 2016 chị L, anh L1 có trả cho bà 20.000.000đồng, hiện còn nợ 280.000.000 đồng. Nay vợ chồng ly hôn nên bà yêu cầu mỗi người trả cho bà 140.000.000 đồng. Ngày 30/5/2017, chị L đã trả cho bà 140.000.000đồng, vì vậy, bà không yêu cầu gì đối với chị L. Riêng anh L1 còn nợ bà 140.000.000đồng, nay bà yêu cầu anh L1 trả cho bà 140.000.000đồng.

Ngày 19/7/2017, bà B có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh L1 về việc yêu cầu anh L1 trả số tiền nợ 140.000.000 đồng và có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

* Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 58/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Tp. C đã quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Trúc L. Chị Lê Thị Trúc L được ly hôn với anh Ngô Tấn L1.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị Trúc L và anh Ngô Tấn L1: Anh L1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Ngô Lê Đăng K, sinh ngày 16/7/2011, hiện nay con chung đang sống chung với anh L1. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L1 không yêu cầu. Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lê Thị Trúc L.

Chị L được sở hữu ½ giá trị tài sản chung là 787.979.620đồng. Anh Ngô Tấn L1 có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị tài sản chung là 787.979.620đồng cho chị L. Chị L có trách nhiệm giao toàn bộ diện tích đất và căn nhà gắn liền với đất cho anh L1.

Anh Ngô Tấn L1 được quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 60, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại phường 3, thành phố C, Đồng Tháp, do chị L và anh L1 cùng đứng tên. Trên đất có 01 căn nhà cấp 3 diện tích xây dựng 76.8m^2 (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2017). Nhà, đất hiện nay do anh L1 đang quản lý.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Ngô Thị B về việc yêu cầu anh Ngô Tấn L1 trả số tiền 14.000.000đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L phải chịu 200.000đồng án phí Hôn nhân gia đình và 35.519.184đồng án phí chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000đồng và 24.000.000đồng chị L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 08121 ngày 15/11/2016 và biên lai thu số 08704 ngày 10/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Chị L còn phải nộp 11.319.184đồng tiền án phí.

Anh L1 phải chịu 35.519.184đồng án phí chia tài sản chung.

Bà Bé được nhận lại số tiền 3.500.000đồng theo biên lai thu số 16701 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Chi phí xem xét thẩm định, định giá 2.391000đồng chị L tự nguyện chịu (số tiền này chị L đã nộp và chi xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 11/10/2017, nguyên đơn chị L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Ngày 13/10/2017, bị đơn anh L1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn Lê Thị Trúc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo ngày 11/10/2017; ngoài ra chị L có thay đổi yêu cầu anh L1 giao con chung cho chị nuôi, chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

+ Bị đơn Ngô Tấn L1 yêu cầu rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo ngày 10/10/2017; anh L1 đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng; anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và sự thỏa thuận thay đổi người nuôi con của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy sau khi án sơ thẩm xử nguyên đơn Lê Thị Trúc L có đơn kháng cáo phần tài sản chung và yêu cầu định giá lại tài sản đang tranh chấp; bị đơn Ngô Tấn L1 có đơn kháng cáo việc Tòa án sơ thẩm nhận định nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn do bị đơn là không đúng, xem xét phần tài sản và yêu cầu định giá lại đối với tài sản chung vợ chồng. Đến ngày 16/11/2017 cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn rút toàn bộ đơn kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm chị L, anh L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu rút toàn bộ đơn kháng cáo ngày 11/10/2017, 10/11/2017. Xét thấy việc rút đơn kháng cáo của anh L1, chị L là tự nguyện và phù hợp với pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn về phần tài sản là diện tích đất 76,8m^2 (thực đo 77,4m^2) thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do chị L, anh L1 đứng tên quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà cấp 3, diện tích thực đo 77,4m^2; và phần nhận định của Tòa sơ thẩm về nguyên nhân chị L yêu cầu ly hôn với anh L1.

[2] Xét về con chung chị L không kháng cáo, tuy nhiên tại phiên tòa chị L có yêu cầu được thay đổi người nuôi con, chị yêu cầu anh L1 giao con cho chị nuôi, chị L nuôi con không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Theo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 58/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án thành phố C thì con chung Ngô Lê Đăng K, sinh ngày 16/7/2011 do anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng; tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu được nuôi con chung và anh L1 đồng ý con chung Ngô Lê Đăng K, sinh ngày 16/7/2011 giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng (hiện con chung đang sống với chị L). Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh L1, chị L và phù hợp với quy định tại Điều 81, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm, xét thấy Tòa sơ thẩm tuyên chưa cụ thể, đầy đủ. Do vậy, Tòa phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp với tình tiết nội dung của vụ án.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về tài sản. Đề nghị xem xét việc thay đổi yêu cầu nuôi con của chị L đối với anh L1. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí phúc thẩm: Do anh L1, chị L rút đơn kháng cáo và thỏa thuận việc thay đổi người nuôi con, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên anh L1, chị L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 289; Điều 295; khoản 2 Điều 148; khoản 2, 5 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 81; điểm a khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm 01 phần vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 52/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07/11/2017 về phần tài sản chung và nhận định về Hôn nhân.

Sửa 01 phần bản án sơ thẩm.

Công nhận sự thỏa thuận giữa Lê Thị Trúc L và Ngô Tấn L1 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Trúc L. Chị Lê Thị Trúc L được ly hôn với anh Ngô Tấn L1.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị Trúc L và anh Ngô Tấn L1: Con chung tên Ngô Lê Đăng K sinh ngày 16/7/2011 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng (hiện con chung đang sống với chị L); anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lê Thị Trúc L.

Chị Lê Thị Trúc L được sở hữu ½ giá trị tài sản chung là 787.979.620đồng. Chị L có trách nhiệm giao toàn bộ căn nhà cấp 3 diện tích thực đo 77,4m^2 và diện tích đất 76,8m^2 (thực đo 77,4m^2) thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do anh L1, chị L đứng tên cho Ngô Tấn L1.

Anh Ngô Tấn L1 có nghĩa vụ giao cho chị L ½ giá trị tài sản chung là 787.979.620đồng; anh L1 được quyền sử dụng diện tích đất 76,8m^2 (thực đo 77,4m^2) thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 3 diện tích thực đo 77,4m^2 nằm trên thửa đất số 60, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại phường 3, thành phố C, Đồng Tháp do chị L và anh L1 cùng đứng tên (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ ngày 03/3/2017). Nhà, đất hiện nay do anh L1 đang quản lý.

Anh L1 được đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thi hành nghĩa vụ của mình thì phải chịu lãi theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

- Nợ chung: Không có.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Ngô Thị B về việc yêu cầu anh Ngô Tấn L1 trả số tiền 140.000.000đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L phải chịu 200.000đồng án phí Hôn nhân gia đình và 35.519.184đồng án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền 200.000đồng và 24.000.000đồng chị L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 08121 ngày 15/11/2016 và biên lai thu số 08704 ngày 10/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Chị L còn phải nộp 11.319.184đồng tiền án phí.

Anh L1 phải chịu 35.519.184đồng án phí chia tài sản chung.

Bà Ngô Thị B được nhận lại số tiền 3.500.000đồng theo biên lai thu số 16701 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị L, anh L1 không phải chịu. Chị L được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00325 ngày 11/10/2017; anh L1 được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00334 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

- Chi phí xem xét thẩm định, định giá 2.391.000đồng chị L tự nguyện chịu (số tiền này chị L đã nộp và chi xong).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT, TA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Tp. C;
- Chi cục THADS Tp. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vĩnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C, ngày 04 tháng 12 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ, 10 phút ngày 04/12/2017;
Tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
Với Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh; Ông Đinh Chí Tâm.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 52/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07/11/2017 giữa:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị Trúc L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: số 18, đường Trần Văn Thưởng, tổ 10, khóm Mỹ Hưng, phường 3, Tp. C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: số 791, ấp An Thạnh, xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ngô Tấn L1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: số 18, đường Trần Văn Thưởng, tổ 10, khóm Mỹ Hưng, phường 3, Tp. C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Ngô Thị B, sinh năm 1950;

Địa chỉ: số 91, đường Nguyễn Trãi, phường 2, Tp. C, Đồng Tháp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến như sau:

* Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 289; Điều 295; khoản 2 Điều 148; khoản 2, 5 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 81; điểm a khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm 01 phần vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 52/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07/11/2017 về phần tài sản chung và nhận định về Hôn nhân.

Sửa 01 phần bản án sơ thẩm.

Công nhận sự thỏa thuận giữa Lê Thị Trúc L và Ngô Tấn L1 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Trúc L. Chị Lê Thị Trúc L được ly hôn với anh Ngô Tấn L1.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị Trúc L và anh Ngô Tấn L1: Con chung tên Ngô Lê Đăng K sinh ngày 16/7/2011 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng (hiện con chung đang sống với chị L); anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lê Thị Trúc L.

Chị Lê Thị Trúc L được sở hữu ½ giá trị tài sản chung là 787.979.620đồng. Chị L có trách nhiệm giao toàn bộ căn nhà cấp 3 diện tích thực đo 77,4m^2 và diện tích đất 76,8m^2 (thực đo 77,4m^2) thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do anh L1, chị L đứng tên cho Ngô Tấn L1.

Anh Ngô Tấn L1 có nghĩa vụ giao cho chị L ½ giá trị tài sản chung là 787.979.620đồng; anh L1 được quyền sử dụng diện tích đất 76,8m^2 (thực đo 77,4m^2) thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 3 diện tích thực đo 77,4m^2 nằm trên thửa đất số 60, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại phường 3, thành phố C, Đồng Tháp do chị L và anh L1 cùng đứng tên (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ ngày 03/3/2017). Nhà, đất hiện nay do anh L1 đang quản lý.

Anh L1 được đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thi hành nghĩa vụ của mình thì phải chịu lãi theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

- Nợ chung: Không có.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Ngô Thị B về việc yêu cầu anh Ngô Tấn L1 trả số tiền 140.000.000đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L phải chịu 200.000đồng án phí Hôn nhân gia đình và 35.519.184đồng án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền 200.000đồng và 24.000.000đồng chị L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 08121 ngày 15/11/2016 và biên lai thu số 08704 ngày 10/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị L còn phải nộp 11.319.184đồng tiền án phí.

Anh L1 phải chịu 35.519.184đồng án phí chia tài sản chung.

Bà Ngô Thị Bé được nhận lại số tiền 3.500.000đồng theo biên lai thu số 16701 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị L, anh L1 không phải chịu. Chị L được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00325 ngày 11/10/2017; anh L1 được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00334 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- Chi phí xem xét thẩm định, định giá 2.391.000đồng chị L tự nguyện chịu (số tiền này chị L đã nộp và chi xong).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nghị án kết thúc vào hồi 10giờ 20 phút, ngày 04/12/2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên **Hội đồng xét xử**	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 55 phút, ngày 09 tháng 3 năm 2017.

Tại phòng nghị án hội trường C Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 192/2016/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Lộc, sinh năm 1960; địa chỉ thường trú: Số 17/7 khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Số 12/1 khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu Lộc: Ông Nguyễn Doãn Hải, Luật sư của Công ty Luật Hợp danh Nam Việt Luật, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Hoàng Trần Thanh Ngọc, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 6 đường Trần Hưng Đạo, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2.2. Ông Trần Ngọc Hoàng, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 6A đường Trần Hưng Đạo, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Ngọc Giao, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 6 đường Trần Hưng Đạo, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3.2. Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Trung tâm hành chính thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

3.3. Ông Phan Thanh Tùng, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 17/7 khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 6A đường Trần Hưng Đạo, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Lộc.

2. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 28/2016/KNPT-DS ngày 21/9/2016 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2016/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu Lộc phải nộp 200.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0018601 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút, ngày 09 tháng 3 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài **Nguyễn Thị Duyên Hằng** **Đào Minh Đa**